

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ CÀ MAU

(Kèm theo Thông báo số **3108** /TB-HĐTD ngày **05/9/2017** của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Nguyễn Thị Thúy	An				30	1	1990	Tân Bàng, Thới Bình, Cà Mau	Đại học Bình Dương	Kế toán		CMA00024		VT	VT	VT		CMA00099
2	Đặng Thị Quỳnh	Anh				7	8	1991	Xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, Cà Mau	Đại học mở TPHCM	Tài chính - Ngân hàng		CMA00055		VT	VT	VT		CMA00077
3	Hồ Tú	Anh				22	3	1989	An Xuyên, Cà Mau	Đại học Trà Vinh	Kế toán		CMA00064		45.00	32.50	50.00		CMA00018
4	Ngô Thủy	Anh				24	12	1988	Ấp Tân Đức A, xã Tân Đức, Đầm Dơi, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Kế toán		CMA00089		VT	VT	VT		CMA00129
5	Trần Lê	Anh				14	3	1978	Xã Viên An, huyện Ngọc Hiển, Cà Mau	Đại học Kinh tế TPHCM	Tài chính nhà nước		CMA00133		42.50	40.00	52.50		CMA00097
6	Huỳnh Duy	Bách	17	4	1992				Tân Thành, TP Cà Mau, Cà Mau	Đại học Bạc Liêu	Quản trị kinh doanh		CMA00169		VT	VT	VT		CMA00010
7	Nguyễn Ngọc	Bích				17	9	1987	358, Đường Kinh Xáng, Phường 6, TP Cà Mau, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Kinh tế tài nguyên môi trường		CMA00198		VT	VT	VT		CMA00079
8	Đinh Mộng	Cầm				15	4	1992	Tân Hưng Tây, Cái Nước, Cà Mau	Đại học Bình Dương	Kế toán		CMA00251		47.50	36.25	70.00		CMA00107
9	Đặng Thị Hồng	Cầm				18	12	1993	154, ấp 14, xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, Kiên Giang	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		CMA00253		72.50	62.50	85.00		CMA00041
10	Nguyễn Nhon	Chắt	19	1	1991				Hòa Thành, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Kế toán		CMA00267		VT	VT	VT		CMA00111
11	Lương Kim	Chi				8	8	1988	Tân Hưng Tây, Phú Tân, Cà Mau	Đại học Bình Dương	Kế toán		CMA00302		52.50	27.50	60.00		CMA00040
12	Nguyễn Bích	Chi				10	7	1991	Ấp 3, xã Tân Thành, TP Cà Mau, Cà Mau	Đại học Tây Đô	Tài chính - Ngân hàng	TTTTN	CMA00303	10	67.50	46.25	55.00		CMA00013
13	Võ Thị	Chơn				14	10	1984	Ấp Tắc Gốc, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Kinh tế thủy sản		CMA00343		67.50	43.75	65.00		CMA00026
14	Lê Diễm	Chúc				24	4	1980	Khánh Bình Đông, Trần Văn Thời, Cà Mau	Đại học Trà Vinh	Kế toán		CMA00344		42.50	43.75	55.00		CMA00025
15	Nguyễn Kim	Chung				19	10	1991	xã Khánh Tiến, huyện U Minh, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Kế toán		CMA00348		45.00	38.75	57.50		CMA00060
16	Võ Thị Thúy	Cúc				1	1	1988	Ấp Tắc Gốc, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, Cà Mau	Đại học Tây Đô	Tài chính - Ngân hàng		CMA00374		52.50	38.75	55.00		CMA00101
17	Lê Minh	Cuộc	2	2	1986				Ấp Cái Cầm, xã Đông Hưng, huyện Cái Nước, Cà Mau	Đại học Kinh tế TPHCM	Kế toán		CMA00375		62.50	43.75	60.00		CMA00036
18	Hồ Kim	Cương				1	2	1985	Xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, Cà Mau	Đại học mở TPHCM	Kế toán		CMA00376		65.00	38.75	62.50		CMA00069
19	Phan Trí	Cường	8	10	1994				TP Long Xuyên, An Giang	Đại học Bình Dương	Tài chính - Ngân hàng		CMA00398		VT	VT	VT		CMA00049
20	Lê Kiều	Diễm				10	10	1993	Xã Lâm Hải, Năm Căn, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Luật hành chính		CMA00481		VT	VT	VT		CMA00122
21	Lê Thị	Diễm				15	4	1985	Trí Phải, Thới Bình, Cà Mau	Đại học Bình Dương	Kế toán		CMA00484		30.00	33.75	35.00		CMA00130
22	Nguyễn Thị	Diễm				13	8	1977	Xã Phú Hưng, Cái Nước, Cà Mau	Đại học Trà Vinh	Kế toán		CMA00490		VT	VT	VT		CMA00070
23	Võ Kiều	Diễm				24	8	1989	Khóm 1, thị trấn Trần Văn Thời, Trần Văn Thời, Cà Mau	Đại học Tây Đô	Tài chính - Ngân hàng		CMA00506		75.00	53.75	67.50		CMA00057
24	Huỳnh Thị	Diễn				6	8	1985	Ấp Trung Cang, xã Tân Trung, Đầm Dơi, Cà Mau	Đại học Tây Đô	Kế toán		CMA00510		60.00	48.75	62.50		CMA00102
25	Trần Quốc	Dinh	1	2	1987				Phường 1, TP Cà Mau, Cà Mau	Đại học Cửu Long	Quản trị kinh doanh		CMA00543		40.00	32.50	52.50		CMA00032
26	Bùi Thái	Duyên				1	1	1993	Ấp Tân An Ninh A, Tà An Khương Nam, Đầm Dơi, Cà Mau	Đại học Cửu Long	Kế toán		CMA00710		VT	VT	VT		CMA00112
27	Mạc Trương	Em	16	6	1987				Rau Dừa B, Hưng Mỹ, Cái Nước, Cà Mau	Đại học mở TPHCM	Kế toán		CMA00743		45.00	32.50	52.50		CMA00116

ng

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
28	Thái Hoàng	Em	28	4	1987				Trần Hợi, Trần Văn Thời, Cà Mau	Đại học Trà Vinh	Luật	DTTS	CMA00745	20	VT	VT	VT		CMA00059
29	Nguyễn Mỹ	Há				20	10	1990	105, Khóm 6, Phường Tân Thành, TP Cà Mau	Đại học Bình Dương	Kế toán		CMA00815		VT	VT	VT		CMA00033
30	Vũ Văn	Hà	16	1	1991				Xã Trục Thái, huyện Trục Ninh, Nam Định	Đại học Cần Thơ	Luật tư pháp		CMA00872		VT	VT	VT		CMA00014
31	Nguyễn Thanh	Hải	18	2	1989				Xã Hưng Mỹ, Cái Nước, Cà Mau	Đại học mở TP HCM	Quản trị kinh doanh		CMA00884		VT	VT	VT		CMA00090
32	Nguyễn Hoàng	Hân	19	2	1988				Thị trấn Sông Đốc, Trần Văn Thời, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Kế toán		CMA00892		70.00	35.00	57.50		CMA00126
33	Lê Thị Thanh	Hằng				16	5	1990	TP Sa Đéc, Đồng Tháp	Đại học Tây Đô	Tài chính - Ngân hàng		CMA00924		VT	VT	VT		CMA00083
34	Mã Thị Thanh	Hằng				8	8	1988	Xã Tân Thành, TP Cà Mau, Cà Mau	Đại học Trà Vinh	Luật		CMA00927		55.00	58.75	70.00		CMA00015
35	Trần Thu	Hiền				21	7	1992	Thành phố Bạc Liêu, Bạc Liêu	Đại học Tây Đô	Tài chính - Ngân hàng	Con NHĐKC bị NCDHH	CMA01075	20	82.50	56.25	85.00		CMA00004
36	Nguyễn Minh	Hoàng	1	11	1987				Ấp 3, xã Tân Lộc, Thới Bình, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân hàng		CMA01193		40.00	47.50	60.00		CMA00085
37	Tổng Diệu	Huê				18	6	1993	Ấp 6, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, Cà Mau	Đại học Tây Đô	Kế toán		CMA01251		55.00	36.25	60.00		CMA00078
38	Huỳnh Tuyết	Huế				21	10	1991	Khóm 8, Thị trấn Trần Văn Thời, Trần Văn Thời, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Kế toán		CMA01254		77.50	68.75	65.00		CMA00095
39	Đinh Thị	Hương				26	4	1994	Khánh Ninh, Yên Khánh, Ninh Bình	Đại học Cần Thơ	Kinh tế		CMA01305		80.00	63.75	75.00		CMA00017
40	Phạm Chí	Hữu	1	1	1986				Ấp Bửu II, xã Long Điền Đông, Đông Hải, Bạc Liêu	Đại học Trà Vinh	Kế toán		CMA01373		45.00	42.50	47.50		CMA00128
41	Trần Bé	Huyền				1	1	1993	Khánh Hưng, Trần Văn Thời, Cà Mau	Đại học Quốc tế Hồng Bàng TP HCM	Tài chính - Ngân hàng		CMA01436		65.00	56.25	62.50		CMA00043
42	Lê Văn	Huỳnh	22	2	1988				Ấp 12, xã Khánh Bình Đông, Trần Văn Thời, Cà Mau	Đại học Trà Vinh	Luật	HTNVQS	CMA01452	10	37.50	22.50	40.00		CMA00073
43	Trần Vũ	Khoa	20	3	1993				Ấp Thị Tường, xã Hòa Mỹ, Cái Nước, Cà Mau	Đại học Bình Dương	Kế toán		CMA01520		50.00	41.25	67.50		CMA00052
44	Từ Hồng	Lâm				19	7	1982	Ấp 07, Tân Lộc, Thới Bình, Cà Mau	Đại học Bình Dương	Quản trị kinh doanh		CMA01601		30.00	28.75	25.00		CMA00068
45	Trần Thị Hoàng	Lan				15	4	1992	TP Cà Mau, Cà Mau	Đại học Tây Đô	Tài chính - Ngân hàng		CMA01622		70.00	58.75	80.00		CMA00123
46	Lý Mai	Liên				3	5	1981	TP Cà Mau, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Kinh tế - Tài chính	DTTS	CMA01670	20	VT	VT	VT		CMA00076
47	Hồ Thị La	Lil				6	7	1983	Xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, Cà Mau	Đại học Lâm Nghiệp	Kế toán		CMA01694		42.50	36.25	42.50		CMA00066
48	Lâm Cẩm	Linh				15	8	1994	Ấp Cồn Cát, xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, Cà Mau	Đại học Công Nghiệp TP HCM	Quản trị kinh doanh		CMA01715		VT	VT	VT		CMA00007
49	Lê Thị Tài	Linh				15	6	1992	Tân Phong, Giá Rai, Bạc Liêu	Đại học Tây Đô	Kế toán		CMA01721		VT	VT	VT		CMA00096
50	Lý Ngọc	Linh				24	9	1994	Xã Phong Thạnh Đông, Giá Rai, Bạc Liêu	Đại học Bình Dương	Tài chính - Ngân hàng		CMA01728		72.50	45.00	70.00		CMA00008
51	Phan Lý Thùy	Linh				11	12	1990	Cái Nước, Cà Mau	Đại học mở TP HCM	Kế toán		CMA01776		60.00	45.00	65.00		CMA00048
52	Tạ Chí	Linh	17	12	1993				Viên An, Ngọc Hiển, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Tài chính - Ngân Hàng		CMA01780		45.00	43.75	62.50		CMA00141
53	Thái Thảo	Linh				11	10	1993	Lý Văn Lâm, TP Cà Mau, Cà Mau	Đại học Bình Dương	Tài chính - Ngân hàng		CMA01782		VT	VT	VT		CMA00119
54	Trần Bá	Lương	26	7	1987				282, ấp Ngã Bát, Trần Phán, Đầm Dơi, Cà Mau	Đại học Võ Trường Toản	Kế toán	HTNVQS	CMA01919	10	50.00	40.00	60.00		CMA00056
55	Ngô Thị	Mai				6	11	1990	Kim Sơn, Ninh Bình	Đại học Cần Thơ	Kế toán		CMA01962		VT	VT	VT		CMA00115
56	Ca Kiều	Mi				12	9	1991	Ấp Văn Đức A, An Trạch, Đông Hải, Bạc Liêu	Đại học Bình Dương	Kế toán		CMA01988		52.50	33.75	62.50		CMA00086
57	Trần Nguyễn Hương	Mơ				21	12	1993	Xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, Cà Mau	Đại học Bình Dương	Kế toán		CMA02038		87.50	70.00	65.00		CMA00009
58	Nguyễn Cẩm	Mừng				6	9	1985	Xã Hồ Thị Kỳ, Thới Bình, Cà Mau	Đại học Kinh tế TP HCM	Tài chính - Ngân hàng		CMA02046		VT	VT	VT		CMA00137
59	Lư Bé	Muội				7	10	1990	xã Khánh Hội, huyện U Minh, Cà Mau	Đại học Cửu Long	Tài chính - Ngân hàng		CMA02049		VT	VT	VT		CMA00084

ng

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
60	Cù Kiều	My				17	7	1993	Khóm 4, Thị trấn Đầm Dơi, Đầm Dơi, Cà Mau	Đại học Cửu Long	Tài chính - Ngân hàng		CMA02053		30.00	41.25	80.00		CMA00100
61	Hồ Lê Kiều	My				1	3	1990	Ấp Xóm Sờ, xã Hồ Thị Kỳ, Thới Bình, Cà Mau	Đại học mở TPHCM	Kế toán		CMA02058		45.00	43.75	50.00		CMA00067
62	Trần Thị Tuyết	Nga				1	1	1993	Ấp 7, xã An Xuyên, TP Cà Mau, Cà Mau	Đại học Bình Dương	Kế toán		CMA02153		45.00	36.25	70.00		CMA00012
63	Nguyễn Bích	Ngân				15	10	1990	Ấp 2, xã Khánh Lâm, U Minh, Cà Mau	Đại học Cửu Long	Tài chính - Ngân hàng		CMA02187		VT	VT	VT		CMA00029
64	Bùi Văn	Nghĩa	1	1	1991				Xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời, Cà Mau	Đại học Trà Vinh	Kế toán		CMA02244		VT	VT	VT		CMA00020
65	Châu Thúy	Ngọc				11	9	1989	xã Khánh Hải, Trần Văn Thời, Cà Mau	Đại học mở TPHCM	Kế toán		CMA02266		60.00	42.50	67.50		CMA00125
66	Trần Như	Ngọc				10	5	1992	Ấp Văn Luyện, xã Nguyễn Huân, Đầm Dơi, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Luật tư pháp		CMA02342		VT	VT	VT		CMA00064
67	Ngô Thị	Nguyên				10	8	1992	Ấp Thạnh 1, xã Long Điền, Đông Hải, Bạc Liêu	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		CMA02371		VT	VT	VT		CMA00127
68	Nguyễn Hồng	Nguyên				3	7	1984	Ấp Chà Là, xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, Cà Mau	Đại học Lâm Nghiệp	Kế toán		CMA02375		42.50	26.25	62.50		CMA00042
69	Nguyễn Thanh	Nguyên	1	1	1989				Ấp 07, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Luật		CMA02380		55.00	38.75	50.00		CMA00053
70	Nguyễn Chí	Nguyễn	17	1	1991				Ấp 6, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Luật		CMA02399		42.50	43.75	57.50		CMA00050
71	Tô Như	Nguyễn				26	6	1993	Khóm 1, thị trấn Cái Nước, Cái Nước, Cà Mau	Đại học Bạc Liêu	Kế toán tổng hợp		CMA02400		37.50	32.50	57.50		CMA00117
72	Hà Thị Như	Nguyệt				15	8	1983	Phường 4, TP Cà Mau, Cà Mau	Đại học Nha Trang	Kế toán		CMA02404		52.50	31.25	40.00		CMA00132
73	Lê Hữu	Nhân	19	4	1990				Ấp Sờ Tại, xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước, Cà Mau	Đại học Tây Đô	Kế toán		CMA02431		VT	VT	VT		CMA00016
74	Đoàn Thị Bích	Nhấn				21	5	1991	Xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Luật		CMA02445		VT	VT	VT		CMA00089
75	Lê Huỳnh Trọng	Như	22	12	1989				Ấp 2, xã Tắc Vân, TP Cà Mau, Cà Mau	Đại học mở TPHCM	Kế toán		CMA02529		60.00	43.75	70.00		CMA00058
76	Hồ Thị Cẩm	Nhung				16	1	1989	Xã Long Điền, huyện Đông Hải, Bạc Liêu	Đại học Cửu Long	Tài chính - Tín dụng		CMA02560		52.50	35.00	50.00		CMA00022
77	Nguyễn Hằng	Ni				17	4	1984	Ấp Trại Lười A, xã Đất Mới, Năm Căn, Cà Mau	Đại học Trà Vinh	Quản trị kinh doanh		CMA02618		47.50	36.25	57.50		CMA00113
78	Phạm Huỳnh Ngọc	Niêm				10	10	1993	Tân Duyệt, Đầm Dơi, Cà Mau	Đại học mở TPHCM	Luật kinh tế		CMA02619		57.50	50.00	67.50		CMA00098
79	Đinh Kiều	Oanh				1	1	1991	Khánh Hưng, Trần Văn Thời, Cà Mau	Đại học Bạc Liêu	Kiểm toán		CMA02634		VT	VT	VT		CMA00062
80	Trương Kiều	Oanh				1	1	1994	Tân Lộc Đông, Thới Bình, Cà Mau	Đại học Bạc Liêu	Kế toán		CMA02660		VT	VT	VT		CMA00027
81	Trần Thị	Phấn				1	1	1992	Khánh Bình Đông, Trần Văn Thời, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Kế toán		CMA02669		50.00	38.75	52.50		CMA00063
82	Nguyễn No	Phen	24	6	1987				Ấp Tân Phong, xã Đồng Hưng, huyện Cái Nước, Cà Mau	Đại học Tây Đô	Quản trị kinh doanh		CMA02680		50.00	43.75	65.00		CMA00035
83	Lâm Vũ	Phi	9	11	1991				Ấp Bá Huê, xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, Cà Mau	Đại học Nông Lâm TPHCM	Kế toán		CMA02682		80.00	80.00	75.00		CMA00045
84	Nguyễn Thành	Phú	17	5	1989				Đầm Dơi, Cà Mau	Đại học Quốc tế Hồng Bàng TPHCM	Tài chính - Ngân hàng		CMA02709		52.50	66.25	62.50		CMA00104
85	Huỳnh Bé	Phương				22	5	1990	Ấp Công Nghiệp, xã Lợi An, Trần Văn Thời, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Kế toán		CMA02775		75.00	51.25	65.00		CMA00131
86	Nguyễn Hồng	Quân	15	7	1983				Xã Hòa Thành, TP Cà Mau, Cà Mau	Đại học mở TPHCM	Kế toán	Con NHĐKC bị NCDHH	CMA02908	20	VT	VT	VT		CMA00133
87	Phạm Kinh	Quốc	18	3	1992				Ấp Lung Trâm, xã Khánh Hải, Trần Văn Thời, Cà Mau	Đại học Lạc Hồng	Tài chính - Ngân hàng		CMA02935		VT	VT	VT		CMA00075

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
88	Trần Thủy	Quỳnh				10	11	1992	xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Luật tư pháp		CMA03007		57.50	43.75	70.00		CMA00005
89	Trần Văn	Tạm	20	11	1986				xã An Xuyên, TP Cà Mau	Đại học mở TPHCM	Kinh tế - Luật	Con NHDKC bị NCDHH	CMA03146	20	50.00	52.50	40.00		CMA00030
90	Đỗ Nhật	Tân	21	11	1992				Huyện Thới Bình, Cà Mau	Đại học Lạc Hồng	Tài chính - Ngân hàng		CMA03148		42.50	52.50	55.00		CMA00124
91	Trần Thanh	Thanh				29	7	1991	TP Cà Mau, Cà Mau	Đại học Bình Dương	Kế toán		CMA03266		40.00	33.75	52.50		CMA00105
92	Trần Văn	Thành	30	11	1982				Ấp 2, xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, Cà Mau	Đại học Lâm Nghiệp	Kế toán		CMA03291		70.00	30.00	MT		CMA00081
93	Nguyễn Thị	Thảo				1	12	1989	Ý Yên, Hà Nam Ninh	Đại học Cần Thơ	Kế toán		CMA03360		95.00	58.75	75.00		CMA00019
94	Nguyễn Hữu	Thật	7	6	1991				Ấp Bảo Bèo, xã Lương Thế Trân, Cái Nước, Cà Mau	Đại học Quốc tế Hồng Bàng TPHCM	Tài chính - Ngân hàng		CMA03413		52.50	32.50	67.50		CMA00136
95	Võ Ngọc	Thư				15	8	1990	Ấp 3, xã Tân Thành, TP Cà Mau, Cà Mau	Đại học Lâm Nghiệp	Kế toán		CMA03578		VT	VT	VT		CMA00006
96	Huỳnh Ngọc	Thuận	14	4	1990				Thừa Thiên Huế	Đại học Bình Dương	Kế toán		CMA03584		VT	VT	VT		CMA00140
97	Nguyễn Tri	Thức	20	11	1989				Xã Quách Phẩm, Đầm Dơi, Cà Mau	Đại học Cửu Long	Tài chính - Ngân hàng		CMA03603		45.00	23.75	52.50		CMA00120
98	Quách Minh	Thức	10	10	1986				Khánh Lâm, U Minh, Cà Mau	Đại học Kinh tế TPHCM	Kế toán doanh nghiệp		CMA03604		45.00	33.75	52.50		CMA00046
99	Châu Thị Hồng	Thúy				14	3	1982	Phường Tân Thành, TP Cà Mau	Đại học mở TPHCM	Kế toán		CMA03645		55.00	33.75	MT		CMA00109
100	Trần Thị	Thúy				20	12	1988	Ấp Tân Phong, xã Đông Hưng, huyện Cái Nước, Cà Mau	Đại học Tây Đô	Tài chính - Ngân hàng		CMA03664		VT	VT	VT		CMA00065
101	Võ Bích	Thuyền				9	10	1992	Khóm 1, thị trấn U Minh, U Minh, Cà Mau	Đại học Cửu Long	Kế toán		CMA03723		45.00	41.25	47.50		CMA00110
102	Bao Minh	Tiện	10	12	1986				Ấp Bảo Tròn, xã Đông Thới, huyện Cái Nước, Cà Mau	Đại học mở TPHCM	Kinh tế - Luật		CMA03791		47.50	26.25	50.00		CMA00037
103	Hồ Kim	Tím				17	6	1987	Số 68, ấp Mương Điều A, xã Tạ An Khương, Đầm Dơi, Cà Mau	Đại học mở TPHCM	Kế toán		CMA03793		VT	VT	VT		CMA00134
104	Cái Văn	Tô	27	12	1982				Ấp Ngọc Tuấn, Thị trấn Cái Nước, Cái Nước, Cà Mau	Đại học Trà Vinh	Kế toán		CMA03803		70.00	50.00	75.00		CMA00091
105	Trần Công	Toại	25	12	1986				Lợi An, Trần Văn Thời, Cà Mau	Đại học Tây Đô	Quản trị kinh doanh	Con TB	CMA03806	20	55.00	36.25	40.00		CMA00061
106	Nguyễn Trung	Toàn	22	8	1986				Khóm 7, Thị trấn Trần Văn Thời, Trần Văn Thời, Cà Mau	Đại học An ninh nhân dân	Luật		CMA03818		VT	VT	VT		CMA00088
107	Nguyễn Văn	Toàn	22	10	1986				Xã Biển Bạch Đông, huyện Thới Bình, Cà Mau	Đại học Kinh tế - Luật TPHCM	Kế toán - Kiểm toán		CMA03819		62.50	33.75	50.00		CMA00093
108	Giang Trường	Tới	8	1	1990				Ấp Bá Huê, xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, Cà Mau	Đại học Bình Dương	Kế toán		CMA03826		47.50	33.75	55.00		CMA00039
109	Nguyễn Huyền	Trần				30	4	1991	Thị trấn Trần Văn Thời, Trần Văn Thời, Cà Mau	Đại học Tây Đô	Tài chính - Ngân hàng		CMA03882		VT	VT	VT		CMA00094
110	Phạm Tuyết	Trần				5	5	1995	Ấp 01, xã Khánh Thuận, huyện U Minh, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Luật hành chính		CMA03892		55.00	36.25	65.00		CMA00051
111	Trịnh Quyền	Trần				15	3	1994	Cái Nước, Cà Mau	Đại học Bình Dương	Tài chính - Ngân hàng		CMA03898		VT	VT	VT		CMA00031
112	Đỗ Thị Kiều	Trang				7	10	1993	Thành phố Cà Mau, Cà Mau	Đại học Tây Đô	Tài chính - Ngân hàng		CMA03914		VT	VT	VT		CMA00103
113	Huỳnh Kiều	Trang				4	6	1993	Tân Hiệp, Tân Dân, Đầm Dơi, Cà Mau	Đại học Trà Vinh	Luật		CMA03926		45.00	38.75	45.00		CMA00087
114	Huỳnh Thu	Trang				15	5	1990	TP Cà Mau, Cà Mau	Đại học Cửu Long	Tài chính - Ngân hàng	DTTS	CMA03938	20	VT	VT	VT		CMA00135
115	Nguyễn Kiều	Trang				1	1	1991	Ấp Kinh Xáng, xã Định Thành A, huyện Đông Hải, Bạc Liêu	Đại học Cần Thơ	Kế toán		CMA03962		55.00	50.00	67.50		CMA00034
116	Bùi Việt	Trình				12	10	1993	Ấp Tân Bằng, xã Phong Lạc, Trần Văn Thời, Cà Mau	Đại học Tây Đô	Tài chính - Ngân hàng		CMA04076		VT	VT	VT		CMA00044
117	Nguyễn Hồng	Trường	15	10	1990				TP Cà Mau, Cà Mau	Đại học Cửu Long	Tài chính - Ngân hàng		CMA04189		45.00	33.75	45.00		CMA00106
118	Phạm Nhật	Trường	14	10	1992				Lung Lá, Định Thành A, Đông Hải, Bạc Liêu	Đại học Quốc tế Hồng Bàng TPHCM	Tài chính - Ngân hàng		CMA04196		82.50	53.75	72.50		CMA00108
119	Lâm Nhựt	Tú	18	11	1992				Số 195 ấp Tân Trung, xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, Cà Mau	Đại học Cửu Long	Kế toán		CMA04211		VT	VT	VT		CMA00002

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
120	Võ Thị	Tú				26	4	1990	An Xuyên, TP Cà Mau, Cà Mau	Đại học mở TPHCM	Kế toán		CMA04245		50.00	37.50	47.50		CMA00092
121	Nguyễn Văn	Út	1	1	1988				Ấp Công Nghiệp, xã Lợi An, Huyện Trần Văn Thời, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Quản trị kinh doanh		CMA04385		67.50	50.00	57.50		CMA00001
122	Võ Ngọc Dạ	Uyên				22	1	1992	TP Cà Mau, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Kế toán		CMA04407		VT	VT	VT		CMA00082
123	Nguyễn Bích	Vân				15	10	1992	Ấp 1, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Kế toán		CMA04430		70.00	41.25	65.00		CMA00021
124	Nguyễn Kim	Vẹn				29	11	1987	Ấp Trần Độ, xã Thạnh Phú, Cái Nước, Cà Mau	Đại học Kinh tế - Luật TPHCM	Kế toán - Kiểm toán	Con NHĐKC bị NCDHH	CMA04493	20	40.00	35.00	37.50		CMA00055
125	Phan Thúy	Vĩ				19	5	1987	Hòa Thành, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Kinh tế ngoại thương		CMA04510		62.50	MT	67.50		CMA00028
126	Bùi Khánh	Vĩ	11	8	1993				Xã Tân Duyệt, Đầm Dơi, Cà Mau	Đại học mở TPHCM	Kế toán		CMA04512		27.50	36.25	60.00		CMA00072
127	Lê Hoàng	Vinh	15	6	1991				Ấp Mỹ Đông, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, Cà Mau	Đại học Bạc Liêu	Quản trị kinh doanh		CMA04532		VT	VT	VT		CMA00118
128	Nguyễn Thành	Vinh	25	1	1991				TP Cà Mau, Cà Mau	Đại học Tài chính - Marketing	Tài chính doanh nghiệp		CMA04537		60.00	80.00	62.50		CMA00138
129	Dương Hồ	Vũ	30	7	1981				Xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, Cà Mau	Đại học Trà Vinh	Quản trị kinh doanh		CMA04546		42.50	31.25	45.00		CMA00114
130	Châu Hà Như	Ỡ				24	10	1991	Minh Đức, Mỏ Cày, Bến Tre	Đại học Cần Thơ	Kế toán	Con TB	CMA04616	20	47.50	36.25	55.00		CMA00011
131	Trần Như	Ỡ				6	6	1994	Ấp 2, xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, Cà Mau	Đại học Bình Dương	Tài chính - Ngân hàng		CMA04622		80.00	35.00	60.00		CMA00003
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
1	Lê Quốc	Khánh	25	7	1985				207 Tân Hòa, xã Thạnh Phú, Cái Nước, Cà Mau	Đại học Cửu Long	Công nghệ thông tin		CMA04732		VT	VT			CMA00074
2	Lê Khánh	Linh	27	1	1988				Tạ An Khương Đông, Đầm Dơi, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Hệ thống thông tin		CMA04740		VT	VT			CMA00054
3	Nguyễn Cẩm	Nha				22	12	1988	Ấp Rạch Ruộng A, xã Khánh Lộc, Trần Văn Thời, Cà Mau	Đại học Trà Vinh	Công nghệ thông tin		CMA04766		77.50	56.25			CMA00024
4	Giã Thanh	Nhã	8	2	1990				xã Khánh Bình Đông, Huyện Trần Văn Thời, Cà Mau	Đại học Cần Thơ	Truyền thông và mạng máy tính		CMA04767		82.50	53.75			CMA00047
5	Hồng Minh	Nhân	19	5	1992				ấp Hiệp Thành, xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, Cà Mau	Đại học Công Nghệ thông tin TPHCM	Truyền thông và mạng máy tính		CMA04768		VT	VT			CMA00038
6	Nguyễn Bích	Thuyền				13	11	1990	ấp 6, xã Nguyễn Phích, U Minh, Cà Mau	Đại học Tây Đô	Công nghệ thông tin		CMA04830		VT	VT			CMA00121
7	Trần	Vinh	8	1	1990				xã Khánh Bình, Trần Văn Thời, Cà Mau	Đại học mở TPHCM	Khoa học máy tính		CMA04869		VT	VT			CMA00139
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
1	Lê Thị Bé	Ngoan				5	2	1982	Thị trấn Năm Căn, Năm Căn, Cà Mau	Học viện hành chính	Hành chính học		CMA04889		85.00	43.75	67.50		CMA00023
2	Lâm Thành	Phú	14	4	1978				Ấp 8, xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, Cà Mau	Đại học Văn hóa TPHCM	Lưu trữ và Quản trị văn phòng		CMA04892		75.00	33.75	65.00		CMA00080
3	Trần Quốc	Toàn	1	1	1986				Ấp Phú Điền, xã Tân Trung, Đầm Dơi, Cà Mau	Học viện hành chính	Hành chính học	Con TB	CMA04902	20	VT	VT	VT		CMA00071
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			